



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	7 - 27

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Quốc Huy	Chủ tịch
Ông Nguyễn Anh Tùng	Ủy viên
Ông Vũ Hải Vĩnh	Ủy viên
Bà Đỗ Thị Thúy Hương	Ủy viên
Ông Lưu Hoàng Long	Ủy viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Lưu Hoàng Long	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hải Vĩnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Dương Ngọc Duy	Phó Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lưu Hoàng Long  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2015



Số: 275/VACO/BCKT.NV2

**BÁO CÁO KẾT QUẢ SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15/08/2015, từ trang 7 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Nguyễn Đức Tiến**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0517-2013-156-1

**Phạm Xuân Sơn**  
Kiểm toán viên  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 1450-2013-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2015



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015


MẪU SỐ B 01a-DN  
Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>289.526.616.892</b>	<b>345.311.473.647</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>124.218.874.090</b>	<b>122.435.938.453</b>
1. Tiền	111		27.667.144.478	11.102.044.015
2. Các khoản tương đương tiền	112		96.551.729.612	111.333.894.438
<b>II Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>60.958.234.309</b>	<b>61.758.234.309</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		60.958.234.309	61.758.234.309
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>99.856.051.645</b>	<b>156.897.231.967</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	58.949.229.338	131.090.022.044
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	15.891.133.382	8.430.950.980
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	36.534.932.498	28.895.502.516
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(11.519.243.573)	(11.519.243.573)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>604.498.395</b>	<b>486.954.045</b>
1. Hàng tồn kho	141		604.498.395	486.954.045
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.888.958.453</b>	<b>3.733.114.873</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		587.870.785	584.812.624
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.273.946.452	3.121.161.033
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	27.141.216	27.141.216
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>389.076.485.653</b>	<b>388.175.954.013</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>131.328.000</b>	<b>149.637.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		131.328.000	149.637.000
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>55.314.292.173</b>	<b>55.861.821.558</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	37.532.652.170	38.055.181.555
- Nguyên giá	222		50.310.136.661	50.042.635.661
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.777.484.491)	(11.987.454.106)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	17.781.640.003	17.806.640.003
- Nguyên giá	228		18.109.230.400	18.109.230.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(327.590.397)	(302.590.397)
<b>III Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>14</b>	<b>6.587.812.287</b>	<b>5.118.360.183</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		6.587.812.287	5.118.360.183
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>325.873.577.459</b>	<b>325.873.577.459</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		313.730.600.000	313.730.600.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		36.487.495.137	36.487.495.137
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		10.151.000.000	10.151.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(34.495.517.678)	(34.495.517.678)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.169.475.734</b>	<b>1.172.557.813</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.169.475.734	1.172.557.813
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>678.603.102.545</b>	<b>733.487.427.660</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b> (300=310+330)	<b>300</b>		<b>123.642.231.328</b>	<b>167.910.600.587</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>120.877.907.328</b>	<b>165.191.763.087</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	64.718.434.764	69.559.315.148
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	5.962.626.270	6.911.721.719
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	1.959.485.461	2.079.896.704
4. Phải trả người lao động	314		544.578.237	816.610.820
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		100.000.000	504.194.334
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	39.132.983.558	35.168.361.268
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	4.113.804.051	48.161.814.107
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.345.994.987	1.989.848.987
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.764.324.000</b>	<b>2.718.837.500</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	20	2.764.324.000	2.718.837.500
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400=410)	<b>400</b>		<b>554.960.871.217</b>	<b>565.576.827.073</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>554.960.871.217</b>	<b>565.576.827.073</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		438.000.000.000	438.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		438.000.000.000	438.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		34.299.596.792	29.919.596.792
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		82.661.274.425	97.657.230.281
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		72.571.230.281	66.224.448.144
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.090.044.144	31.432.782.137
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>678.603.102.545</b>	<b>733.487.427.660</b>

  
Vũ Văn Tuấn  
Người lập biểu  
Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2015

  
Nguyễn Trung Dũng  
Kế toán trưởng




  
Lưu Hoàng Long  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

MẪU SỐ B 02a-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	45.725.507.022	13.646.153.450
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		45.725.507.022	13.646.153.450
4. Giá vốn hàng bán	11	23	43.264.433.046	11.211.110.355
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		2.461.073.976	2.435.043.095
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	15.624.451.825	18.185.818.949
7. Chi phí tài chính	22	26	113.415.585	393.875.605
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		113.415.585	214.785.768
8. Chi phí bán hàng	25		380.078.260	227.717.411
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		7.633.737.810	6.506.587.063
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		9.958.294.146	13.492.681.965
11. Thu nhập khác	31		229.500.000	324.182.509
12. Chi phí khác	32		97.750.002	285.067.000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		131.749.998	39.115.509
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		10.090.044.144	13.531.797.474
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		10.090.044.144	13.531.797.474

  
Vũ Văn Tuấn  
Người lập biểu  
Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2015

  
Nguyễn Trung Dũng  
Kế toán trưởng





  
Lưu Hoàng Long  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

MẪU SỐ B 03a-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	121.254.661.130	41.517.963.699
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(65.552.647.654)	(11.245.554.942)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(4.310.644.007)	(5.321.676.614)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(303.824.953)	(214.785.768)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	-	(1.761.670.111)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	6.360.676.196	11.597.730.478
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(16.276.913.162)	(26.480.199.530)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>41.171.307.550</b>	<b>8.091.807.212</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(421.235.208)	(50.022.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	27.492.500
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(32.592.779.132)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	800.000.000	42.999.859.040
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.680.381.601	7.236.392.076
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>5.059.146.393</b>	<b>17.620.942.484</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.063.588.479	23.958.313.533
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(45.111.598.535)	(40.211.489.877)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(399.508.250)	(2.080.996.905)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(44.447.518.306)</b>	<b>(18.334.173.249)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>1.782.935.637</b>	<b>7.378.576.447</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>122.435.938.453</b>	<b>104.801.609.308</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(179.089.837)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>124.218.874.090</b>	<b>112.001.095.918</b>

  
Vũ Văn Tuấn  
Người lập biểu  
Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2015

  
Nguyễn Trung Dũng  
Kê toán trưởng

  
Lưu Hoàng Long  
Tổng Giám đốc



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B 09a -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam, tên giao dịch tiếng Anh là Vietnam Electronics and Infomatics Joint Stock Corporation, tên viết tắt là VEIC (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), tiền thân là Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 1116 QĐ/TCCBHT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 109811 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 23/11/1995. Tổng Công ty chuyển đổi hình thức sang Tổng Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2511/QĐ-BCN ngày 14/9/2006 và Quyết định số 05/QĐ-BCN ngày 02/01/2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) và chính thức hoạt động theo hình thức Tổng Công ty Cổ phần từ ngày 01/03/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103016007 ngày 28/02/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Đăng ký thay đổi lần 4 ngày 25/11/2013.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 438.000.000.000 VND.

**Đơn vị trực thuộc:** Trường Cao đẳng công nghệ Viettronics được thành lập theo Quyết định số 2445/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 29/05/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Các cổ đông sáng lập của Tổng Công ty gồm:

Danh sách cổ đông sáng lập	Vốn đăng ký góp theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		
	VND	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Vốn Nhà nước	385.308.600.000	38.530.860	87,97%
Vốn các cổ đông khác	52.691.400.000	5.269.140	12,03%
	<b>438.000.000.000</b>	<b>43.800.000</b>	<b>100,00%</b>

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2015 là 138 người (tại ngày 01/01/2015 là 149 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Thiết kế, sản xuất, lắp ráp, chế tạo thiết bị, hệ thống thiết bị, linh kiện, chi tiết cấu kiện điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế, điện tử - tự động hóa, điện máy gia dụng và chuyên dùng;
- Sản xuất kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu thiết bị, sản phẩm, linh kiện, chi tiết, vật tư liên quan đến ngành điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy;
- Thực hiện các dịch vụ trong lĩnh vực điện tử và công nghệ thông tin (nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ thông tin, nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ, tư vấn đầu tư, xây lắp, bảo trì, làm đại lý, nhà phân phối cho các Văn phòng Tổng Công ty trong và ngoài nước);
- Kinh doanh bất động sản và văn phòng cho thuê;
- Và các ngành nghề kinh doanh khác.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09a -DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

**Kỷ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a -DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết***

***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

***Góp vốn liên doanh***

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a -DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

**Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09a -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn nên không thực hiện trích khấu hao. Phần mềm máy tính khấu hao từ 3 đến 5 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

## Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

## Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## 5. TIỀN

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	520.025.067	452.418.463
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	27.147.119.411	10.649.625.552
Các khoản tương đương tiền	96.551.729.612	111.333.894.438
<b>Cộng</b>	<b><u>124.218.874.090</u></b>	<b><u>122.435.938.453</u></b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**  
Số 15 Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính riêng  
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

MẪU SỐ B 09a -DN

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
<i>Ngắn hạn</i>				
- Tiền gửi có kỳ hạn	60.958.234.309	60.958.234.309	61.758.234.309	61.758.234.309
- Trái phiếu	293.248.000	293.248.000	1.093.248.000	1.093.248.000
- Các khoản cho vay	60.664.986.309	60.664.986.309	-	-
<i>Công ty CP Viettronics Công nghiệp</i>	21.279.631.582	21.279.631.582	21.279.631.582	21.279.631.582
<i>Công ty CP Công trình Viettronics</i>	6.506.823.595	6.506.823.595	6.506.823.595	6.506.823.595
<i>Công ty CP Công nghệ Thông tin Genpacific</i>	32.878.531.132	32.878.531.132	32.878.531.132	32.878.531.132
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
- Đầu tư vào công ty con	313.730.600.000	313.730.600.000	313.730.600.000	280.511.677.459
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	36.487.495.137	36.487.495.137	35.210.900.000	35.210.900.000
- Đầu tư vào đơn vị khác	10.151.000.000	10.151.000.000	10.151.000.000	10.151.000.000
<b>Cộng</b>	<b>360.369.095.137</b>	<b>360.369.095.137</b>	<b>325.873.577.459</b>	<b>325.873.577.459</b>
			<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>
			VND	VND
			(33.218.922.541)	(33.218.922.541)
			(1.276.595.137)	(1.276.595.137)
			-	-
			<b>(34.495.517.678)</b>	<b>(34.495.517.678)</b>
				<b>375.873.577.459</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**  
Số 15 Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Báo cáo tài chính riêng  
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

MẪU SỐ B 09a -DN

	30/06/2015		01/01/2015	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>		<b>313.730.600.000</b>		<b>313.730.600.000</b>
Công ty CP Viettronics Đông Đa	1.123.600	11.236.000.000	1.123.600	11.236.000.000
Công ty CP Điện tử Thủ Đức	6.693.700	66.937.000.000	6.693.700	66.937.000.000
Công ty CP Điện tử Bình Hoà	1.479.000	14.790.000.000	1.479.000	14.790.000.000
Công ty CP Công nghệ Thông tin Genpacific	2.295.000	22.950.000.000	2.295.000	22.950.000.000
Công ty CP Viettronics Tân Bình	6.654.960	126.660.600.000	6.654.960	126.660.600.000
Công ty CP Điện tử Biên Hoà	306.000	30.600.000.000	306.000	30.600.000.000
Công ty CP Viettronics Công nghiệp	2.755.700	27.557.000.000	2.755.700	27.557.000.000
Công ty CP Công trình Viettronics	1.300.000	13.000.000.000	1.300.000	13.000.000.000
<b>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>		<b>36.487.495.137</b>		<b>36.487.495.137</b>
<i>Đầu tư vào Công ty liên kết</i>				
Công ty CP Máy tính và Truyền thông Việt Nam	2.142.000	21.420.000.000	2.142.000	21.420.000.000
Công ty CP Viettronimex	108.689	10.868.900.000	108.689	10.868.900.000
Công ty CP Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hoà	20.665	2.066.500.000	20.665	2.066.500.000
Công ty CP Máy tính Việt Nam	8.555	855.500.000	8.555	855.500.000
<i>Góp vốn liên danh</i>				
Công ty LD Điện tử Y tế Kỹ thuật cao Amec		1.276.595.137		1.276.595.137
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>10.151.000.000</b>		<b>10.151.000.000</b>
Công ty Bé tông ly tâm Thủ Đức	524.000	5.240.000.000	524.000	5.240.000.000
Công ty CP Điện tử và Viễn Thông Nghệ An	180.000	1.800.000.000	180.000	1.800.000.000
Công ty CP Điện tử Hải Phòng	311.100	3.111.000.000	311.100	3.111.000.000
<b>Cộng</b>		<b>360.369.095.137</b>		<b>360.369.095.137</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**

Số 15 Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư dài hạn của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập/đăng ký/hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
		%	%
Công ty CP Viettronics Đồng Đa	Hà Nội	51,07%	51,07%
Công ty CP Điện tử Thủ Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	97,01%	97,01%
Công ty CP Điện tử Bình Hoà	Thành phố Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%
Công ty CP CN Thông tin Genpacific	Thành phố Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%
Công ty CP Viettronics Tân Bình	Thành phố Hồ Chí Minh	55,54%	55,54%
Công ty CP Điện tử Biên Hoà	Thành phố Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%
Công ty CP Viettronics Công nghiệp	Hà Nội	91,47%	91,47%
Công ty CP Công trình Viettronics	Hà Nội	65,00%	65,00%
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>			
Công ty CP Viettronimex	Thành phố Hồ Chí Minh	46,25%	46,25%
Công ty CP Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hoà	Thành phố Hồ Chí Minh	33,77%	33,77%
Công ty CP Máy tính Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	28,50%	28,50%
Công ty CP Máy tính và Truyền thông VN	Hà Nội	35,70%	35,70%
<b>Góp vốn liên danh</b>			
Công ty LD Điện tử y tế KT cao Amec	Hà Nội	49,00%	49,00%
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>			
Công ty Cổ phần Điện tử và Viễn Thông Nghệ An	Thành phố Nghệ An	15,00%	15,00%
Công ty Cổ phần Điện tử Hải Phòng	Thành phố Hải Phòng	12,44%	12,44%
Công ty Bé tông ly tâm Thủ Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	6,55%	6,55%

Báo cáo tài chính riêng  
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

MẪU SỐ B 09a -DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>58.949.229.338</b>	<b>127.305.634.044</b>
Công ty Cổ phần thủy điện Bắc Hà	28.792.114.656	30.752.014.940
Công ty Truyền tải Điện 2	9.789.300.294	-
Ban Quản lý Dự án thủy điện 7	6.273.067.175	6.273.067.175
Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức	4.001.950.500	4.001.950.500
Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	2.800.000.000	2.800.000.000
Công ty TNHH MTV TM đầu tư phát triển đô thị	2.653.678.000	2.653.678.000
Công ty CP Tập đoàn Điện tử Công nghiệp Việt Nam	1.861.897.311	1.861.897.311
Tổng Công ty xây dựng số 1	1.682.184.611	3.682.184.611
Công ty Truyền tải Điện 1	735.036.790	7.271.125.157
Ban Quản lý Dự án nhà máy thủy điện Sơn La	360.000.001	1.346.049.060
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	-	42.414.887.520
Ban Quản lý dự án các công trình điện Miền Trung	-	24.248.779.770
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>3.784.388.000</b>
Công ty CP Công nghệ Thông tin Genpacific	-	3.784.388.000
<b>Cộng</b>	<b>58.949.229.338</b>	<b>131.090.022.044</b>

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>15.399.639.382</b>	<b>7.939.456.980</b>
Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Ngân Thịnh	4.854.351.000	4.854.351.000
Công ty TNHH Việt Phát Thăng Long	4.756.880.700	2.642.711.500
Công ty CP Tư vấn & Thi công Kiến trúc - Nội thất VN	3.670.611.082	-
Công ty CP Ứng dụng & Phát triển Công nghệ Thông tin	1.592.796.600	-
Các đối tượng khác	525.000.000	442.394.480
<b>Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	<b>491.494.000</b>	<b>491.494.000</b>
Công ty TNHH MTV Viettronics Medda	491.494.000	491.494.000
<b>Cộng</b>	<b>15.891.133.382</b>	<b>8.430.950.980</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Phải thu khác ngắn hạn</b>	<b>10.403.687.541</b>	<b>9.212.455.724</b>
Phải thu về cổ phần hóa	1.165.274.174	1.165.274.174
Các khoản phải thu khác		
- Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Ngân Thịnh	2.107.997.573	2.107.997.573
- Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	231.346.388	231.346.388
- Thu từ cán bộ công nhân viên đất Long An	2.694.230.000	2.694.230.000
- Công trình quận 12	-	344.400.000
- Đối tượng khác	154.066.637	99.186.710
Tạm ứng	3.856.165.449	2.356.567.049
Cầm cố ký cược ký quỹ ngắn hạn	194.607.320	213.453.830
<b>Phải thu khác các bên liên quan</b>	<b>26.131.244.957</b>	<b>19.683.046.792</b>
- Công ty CP Viettronics Công nghiệp	7.830.875.224	6.792.623.293
- Công ty CP Viettronics Tân Bình	9.154.960.000	6.409.316.550
- Công ty CP Công nghệ Thông tin GENPACIFIC	6.942.561.225	5.896.120.557
- Công ty CP Điện tử Biên Hoà	309.051.054	309.051.054
- Công ty CP Viettronics Đồng Đa	112.360.000	112.360.000
- Công ty CP Máy tính & Truyền thông VN	875.280.000	18.480.000
- Công ty CP Điện tử Hải Phòng	63.350.000	63.350.000
- Công ty CP Công trình Viettronics	81.745.338	81.745.338
- Công ty CP Viettronimex	761.062.116	-
<b>Cộng</b>	<b>36.534.932.498</b>	<b>28.895.502.516</b>

10. NỢ XẤU

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	3.031.346.388	-	3.031.346.388	-
Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Ngân Thịnh	6.962.348.573	-	6.962.348.573	-
Công ty CP CN Thông tin Genpacific - Phải thu lãi vay	1.525.548.612	-	1.525.548.612	-
<b>Cộng</b>	<b>11.519.243.573</b>	<b>-</b>	<b>11.519.243.573</b>	<b>-</b>

11. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	550.378.395	-	432.834.045	-
Hàng hóa	54.120.000	-	54.120.000	-
<b>Cộng</b>	<b>604.498.395</b>	<b>-</b>	<b>486.954.045</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a -DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	TSCĐ khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	42.169.479.910	6.918.229.618	670.217.227	284.708.906	50.042.635.661
Phân loại lại	282.108.730	-	2.600.176	(284.708.906)	-
Mua trong kỳ	-	-	267.501.000	-	267.501.000
Tại ngày 30/06/2015	42.451.588.640	6.918.229.618	940.318.403	-	50.310.136.661
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	6.380.314.613	4.827.758.503	643.379.917	136.001.073	11.987.454.106
Phân loại lại	234.021.822	-	(98.020.749)	(136.001.073)	-
Khấu hao trong năm	555.034.971	184.453.332	50.542.082	-	790.030.385
Tại ngày 30/06/2015	7.169.371.406	5.012.211.835	595.901.250	-	12.777.484.491
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2015	35.789.165.297	2.090.471.115	26.837.310	148.707.833	38.055.181.555
Tại ngày 30/06/2015	35.282.217.234	1.906.017.783	344.417.153	-	37.532.652.170

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2015 là 6.872.207.973 VND (tại ngày 01/01/2015 là 6.836.897.129 VND).

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất (i) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	17.769.140.000	340.090.400	18.109.230.400
Tại ngày 30/06/2015	17.769.140.000	340.090.400	18.109.230.400
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	-	302.590.397	302.590.397
Khấu hao trong năm	-	25.000.000	25.000.000
Tại ngày 30/06/2015	-	327.590.397	327.590.397
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2015	17.769.140.000	37.500.003	17.806.640.003
Tại ngày 30/06/2015	17.769.140.000	12.500.003	17.781.640.003

Ghi chú: (i) Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất vô thời hạn tại số 197 Nguyễn Thị Minh Khai, Hà Nội, quyền sử dụng đất vô thời hạn tại số 29 F Hai Bà Trưng, Hà Nội và quyền sử dụng đất vô thời hạn tại số 118 Cát Bi, quận Hải An, thành phố Hải Phòng với giá trị tại ngày 30/06/2015 là 17.769.140.000 VND (tại ngày 01/01/2015 là 17.769.140.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	<b>6.587.812.287</b>	<b>6.587.812.287</b>	<b>5.118.360.183</b>	<b>5.118.360.183</b>
Mua sắm tài sản	-	-	82.727.273	82.727.273
Đầu tư công trình xây dựng cơ bản	6.587.812.287	6.587.812.287	5.035.632.910	5.035.632.910
<b>Trong đó:</b>				
<i>Khu đô thị mới Cầu Giấy</i>	4.453.348.182	4.453.348.182	4.453.348.182	4.453.348.182
<i>Sàn 11 MIPEC</i>	1.606.311.527	1.606.311.527	-	-
<i>Chi phí xây dựng nhà 7 tầng</i>	259.222.818	259.222.818	259.222.818	259.222.818
<i>Khảo sát, tư vấn kiến trúc và quy hoạch trường</i>	174.230.760	174.230.760	174.230.760	174.230.760
<i>Chi phí XD CB khác</i>	94.699.000	94.699.000	148.831.150	148.831.150
	<b>6.587.812.287</b>	<b>6.587.812.287</b>	<b>5.118.360.183</b>	<b>5.118.360.183</b>

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>35.177.576.853</b>	<b>35.177.576.853</b>	<b>36.452.401.975</b>	<b>36.452.401.975</b>
Công ty Cổ phần YOTEK	31.899.524.553	31.899.524.553	26.737.857.074	26.737.857.074
Công ty Cổ phần thiết bị điện - VINACOMIN	-	-	5.625.360.000	5.625.360.000
Công ty Cổ phần VTSI	798.560.000	798.560.000	1.198.560.000	1.198.560.000
Công ty TNHH Chongqing Water Turbine Works	1.367.400.300	1.367.400.300	1.367.400.300	1.367.400.300
Các đối tượng khác	1.112.092.000	1.112.092.000	1.523.224.601	1.523.224.601
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>29.540.857.911</b>	<b>29.540.857.911</b>	<b>33.106.913.173</b>	<b>33.106.913.173</b>
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	29.192.760.339	29.192.760.339	32.380.845.601	32.380.845.601
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	348.097.572	348.097.572	726.067.572	726.067.572
	<b>64.718.434.764</b>	<b>64.718.434.764</b>	<b>69.559.315.148</b>	<b>69.559.315.148</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**

Số 15 Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng  
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09a -DN  
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>5.962.626.270</b>	<b>5.962.626.270</b>	<b>6.911.721.719</b>	<b>6.911.721.719</b>
Ban QLDA các công trình điện Miền Trung	3.137.708.397	3.137.708.397	-	-
Ban QLDA các CTXD của Đảng ở Trung Ương	2.773.000.000	2.773.000.000	2.773.000.000	2.773.000.000
Công ty Truyền tải Điện 2	-	-	4.086.803.846	4.086.803.846
Đối tượng khác	51.917.873	51.917.873	51.917.873	51.917.873
<b>Cộng</b>	<b>5.962.626.270</b>	<b>5.962.626.270</b>	<b>6.911.721.719</b>	<b>6.911.721.719</b>

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2015
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	187.071.104	71.221.303	191.632.546	66.659.861
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.892.825.600	-	-	1.892.825.600
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.079.896.704</b>	<b>74.221.303</b>	<b>194.632.546</b>	<b>1.959.485.461</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.141.216	-	-	27.141.216
<b>Cộng</b>	<b>27.141.216</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>27.141.216</b>

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Phải trả khác ngắn hạn</b>	<b>37.322.429.993</b>	<b>32.501.007.703</b>
Bảo hiểm các loại	133.437.977	-
Khoản dự tính phải trả về quyết toán vốn cổ phần (i)	11.811.076.196	20.352.613.860
Phải trả về cổ tức	21.924.958.200	4.825.493.200
Phải trả CBCNV - Tiền ứng trước mua đất	1.302.400.000	1.302.400.000
Phải trả về cổ phần hoá	90.866.758	160.866.758
Các khoản phí của sinh viên do Trường thu	2.034.690.862	2.178.025.885
Các khoản phải trả phải nộp khác	25.000.000	3.681.608.000
<b>Phải trả khác các bên liên quan</b>	<b>1.810.553.565</b>	<b>2.667.353.565</b>
Công ty CP Công trình Viettronics	902.512.848	902.512.848
Công ty CP Máy tính & Truyền thông VN	-	856.800.000
Công ty CP Viettronics Công nghiệp	757.875.506	757.875.506
Công ty CP Viettronics Đồng Đa	150.165.211	150.165.211
<b>Cộng</b>	<b>39.132.983.558</b>	<b>35.168.361.268</b>

Ghi chú: (i) Khoản phải trả về quyết toán vốn cổ phần cho Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) theo thông báo đến ngày 31/12/2010 của SCIC là 36.545.374.298 VND. Tuy nhiên, Tổng Công ty mới ghi nhận 20.352.613.860 VND. Trong kỳ Công ty đã chuyển trả một phần cho Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**Số 15 Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*Báo cáo tài chính riêng  
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015**MẪU SỐ B 09a -DN****19. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/06/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	4.113.804.051	4.113.804.051	45.111.598.535	1.063.588.479	48.161.814.107	48.161.814.107
<i>Ngân hàng TMCP An Bình (i)</i>	3.050.215.572	3.050.215.572	9.307.676.954	-	12.357.892.526	12.357.892.526
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (ii)</i>	1.063.588.479	1.063.588.479	-	1.063.588.479	-	-
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	-	-	35.803.921.581	-	35.803.921.581	35.803.921.581
<b>Cộng</b>	<b>4.113.804.051</b>	<b>4.113.804.051</b>	<b>45.111.598.535</b>	<b>1.063.588.479</b>	<b>48.161.814.107</b>	<b>48.161.814.107</b>

Ghi chú:

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP An Bình theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 844/14/TD/HĐHM.II.24 ngày 18/09/2014 với hạn mức 25 tỷ đồng, thời hạn vay là 12 tháng. Tài sản thế chấp là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Thủy điện An Khê Kanak, Tổng Công ty Xây dựng 1 và Công ty Cổ phần Bắc Hà.
- (ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng số 01/2015/324800/HĐTD ngày 13/05/2015 số tiền vay là 1.063.588.479 VND, thời hạn vay là 03 tháng. Lãi suất 8,5%/năm. Tài sản thế chấp hợp đồng vay là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn Tổng Công ty gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09a -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Doanh thu ghi nhận trước từ học phí	1.153.070.000	950.995.500
Doanh thu ghi nhận trước từ học phí đào tạo chuyên sâu	1.611.254.000	1.767.842.000
	<b>2.764.324.000</b>	<b>2.718.837.500</b>

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	438.000.000.000	25.539.596.792	89.120.448.144	552.660.044.936
Lợi nhuận trong năm	-	-	31.432.782.137	31.432.782.137
Phân phối lợi nhuận	-	4.380.000.000	(7.446.000.000)	(3.066.000.000)
Phụ cấp HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	(120.000.000)	(120.000.000)
Chi trả cổ tức (i)	-	-	(15.330.000.000)	(15.330.000.000)
Số dư tại ngày 01/01/2015	<b>438.000.000.000</b>	<b>29.919.596.792</b>	<b>97.657.230.281</b>	<b>565.576.827.073</b>
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	10.090.044.144	10.090.044.144
Phân phối lợi nhuận (i)	-	4.380.000.000	(7.446.000.000)	(3.066.000.000)
Phụ cấp HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	(120.000.000)	(120.000.000)
Chi trả cổ tức (i)	-	-	(17.520.000.000)	(17.520.000.000)
Số dư tại ngày 30/06/2015	<b>438.000.000.000</b>	<b>34.299.596.792</b>	<b>82.661.274.425</b>	<b>554.960.871.217</b>

Ghi chú: (i) Tổng Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 số 01/NQ/ĐT-ĐHĐCĐ ngày 19/6/2015 trong đó:

- Quỹ đầu tư phát triển:	4.380.000.000 VND
- Quỹ khen thưởng phúc lợi:	3.066.000.000 VND
- Chi thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát:	120.000.000 VND
- Chi trả cổ tức:	17.520.000.000 VND

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Vốn nhà nước	385.308.600.000	385.308.600.000
Vốn góp của các đối tượng khác	52.691.400.000	52.691.400.000
<b>Cộng</b>	<b>438.000.000.000</b>	<b>438.000.000.000</b>

**Cổ phiếu**

	30/06/2015	01/01/2015
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	43.800.000	43.800.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
- Cổ phiếu phổ thông	43.800.000	43.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	43.800.000	43.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MÃU SỐ B 09a -DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**22. DOANH THU**

	Tư 01/01/2015 đến 30/06/2015	Tư 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Doanh thu từ các dự án	42.124.774.350	9.164.612.809
Doanh thu dịch vụ	3.600.732.672	4.481.540.641
<b>Cộng</b>	<b>45.725.507.022</b>	<b>13.646.153.450</b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Tư 01/01/2015 đến 30/06/2015	Tư 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Giá vốn từ các dự án	41.055.442.761	8.423.688.479
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	2.208.990.285	2.787.421.876
<b>Cộng</b>	<b>43.264.433.046</b>	<b>11.211.110.355</b>

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Tư 01/01/2015 đến 30/06/2015	Tư 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	40.884.378.370	8.423.688.479
Chi phí nhân công	4.038.611.424	6.267.258.678
Chi phí khấu hao tài sản cố định	815.030.385	363.492.451
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.450.591.908	1.291.818.182
Chi phí khác bằng tiền	2.173.725.799	2.809.054.779
<b>Cộng</b>	<b>51.362.337.886</b>	<b>19.155.312.569</b>

**25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Tư 01/01/2015 đến 30/06/2015	Tư 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.876.983.825	8.482.930.321
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.747.468.000	9.688.396.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	14.492.628
<b>Cộng</b>	<b>15.624.451.825</b>	<b>18.185.818.949</b>

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Tư 01/01/2015 đến 30/06/2015	Tư 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	113.415.585	214.785.768
Chi phí tài chính khác	-	179.089.837
<b>Cộng</b>	<b>113.415.585</b>	<b>393.875.605</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

## 27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

## Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 trừ đi tiền và các khoản trong tương lai) và phần vốn của chủ các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

## Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2015 như sau:

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản vay	4.113.804.051	48.161.814.107
Trừ: Tiền và các khoản trong tương lai	(124.218.874.090)	(122.435.938.453)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	554.960.871.217	565.576.827.073
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,0%</b>	<b>0,0%</b>

## Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

## Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản trong tương lai	124.218.874.090	122.435.938.453	124.218.874.090	122.435.938.453
Phải thu khách hàng và phải thu khác	84.096.246.263	148.615.917.987	84.096.246.263	148.615.917.987
Đầu tư tài chính ngắn hạn	60.958.234.309	61.758.234.309	60.958.234.309	61.758.234.309
Đầu tư tài chính dài hạn	10.151.000.000	10.151.000.000	10.151.000.000	10.151.000.000
<b>Cộng</b>	<b>279.424.354.662</b>	<b>342.961.090.749</b>	<b>279.424.354.662</b>	<b>342.961.090.749</b>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Các khoản vay	4.113.804.051	48.161.814.107	4.113.804.051	48.161.814.107
Phải trả người bán và phải trả khác	103.851.418.322	104.727.676.416	103.851.418.322	104.727.676.416
Chi phí phải trả	100.000.000	504.194.334	100.000.000	504.194.334
<b>Cộng</b>	<b>108.065.222.373</b>	<b>153.393.684.857</b>	<b>108.065.222.373</b>	<b>153.393.684.857</b>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a -DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

***Quản lý rủi ro tỷ giá***

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Tổng Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Tổng Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

***Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu***

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tổng Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa***

Tổng Công ty mua hàng hóa để phục vụ hoạt động kinh doanh, nên Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Tổng Công ty quản lý rủi ro hàng hóa bằng việc theo dõi và phân tích thông tin liên quan đến thị trường hàng hóa mà Tổng Công ty kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho thời điểm mua bán hàng hóa, kế hoạch kinh doanh và xác định định mức tồn kho hợp lý. Tổng Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về hàng hóa.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

## 27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Tổng Công ty bị tổn thất về tài chính. Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Tổng Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tổng Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Tổng Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại ngân hàng mà Tổng Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Tổng Công ty.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	124.218.874.090	-	124.218.874.090
Phải thu khách hàng và phải thu khác	84.096.246.263	-	84.096.246.263
Đầu tư tài chính ngắn hạn	60.958.234.309	-	60.958.234.309
Đầu tư tài chính dài hạn	-	10.151.000.000	10.151.000.000
<b>Cộng</b>	<b>269.273.354.662</b>	<b>10.151.000.000</b>	<b>279.424.354.662</b>
<b>Tại ngày 30/06/2015</b>			
Các khoản vay	4.113.804.051	-	4.113.804.051
Phải trả người bán và phải trả khác	103.851.418.322	-	103.851.418.322
Chi phí phải trả	100.000.000	-	100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>108.065.222.373</b>	<b>-</b>	<b>108.065.222.373</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>161.208.132.289</b>	<b>10.151.000.000</b>	<b>171.359.132.289</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a -DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	122.435.938.453	-	122.435.938.453
Phải thu khách hàng và phải thu khác	148.615.917.987	-	148.615.917.987
Đầu tư tài chính ngắn hạn	61.758.234.309	-	61.758.234.309
Đầu tư tài chính dài hạn	-	10.151.000.000	10.151.000.000
<b>Cộng</b>	<b>332.810.090.749</b>	<b>10.151.000.000</b>	<b>342.961.090.749</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>			
Các khoản vay	48.161.814.107	-	48.161.814.107
Phải trả người bán và phải trả khác	104.727.676.416	-	104.727.676.416
Chi phí phải trả	504.194.334	-	504.194.334
<b>Cộng</b>	<b>153.393.684.857</b>	<b>-</b>	<b>153.393.684.857</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>179.416.405.892</b>	<b>10.151.000.000</b>	<b>189.567.405.892</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 tới ngày 30/06/2015 của Tổng Công ty.

**29. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu đầu kỳ là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Tổng Công ty đã được soát xét và trình bày lại theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu cùng kỳ năm trước (kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014).

Chỉ tiêu	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại/ Trình bày lại VND	Số sau phân loại lại/ Trình bày lại VND
<b>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	61.758.234.309	61.758.234.309
Đầu tư ngắn hạn	61.758.234.309	(61.758.234.309)	-
Phải thu ngắn hạn khác	26.325.481.637	2.570.020.879	28.895.502.516
Tài sản ngắn hạn khác	2.570.020.879	(2.570.020.879)	-
Quỹ đầu tư phát triển	19.609.584.594	10.310.012.198	29.919.596.792
Quỹ dự phòng tài chính	10.310.012.198	(10.310.012.198)	-

Vũ Văn Tuấn  
Người lập biểu  
Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2015

Nguyễn Trung Dũng  
Kế toán trưởng

Lưu Hoàng Long  
Tổng Giám đốc

**Văn phòng Hà Nội**

Tầng 4, 168 Đường Láng, P. Thịnh Quang,

Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội

Tel :+84-4 3577 0781

Fax:+84-4 3577 0787

Email: vacohn@vaco.com.vn

Website: www.vaco.com.vn

**Văn phòng Hồ Chí Minh**

Lầu 6 tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ, P. 15,

Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Tel :+84-8 3840 6618

Fax:+84-8 3840 6616

Email: vacohcm@vaco.com.vn

**Văn phòng Hải Phòng**

499 Quán Toan, P. Quán Toan,

Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng

Tel :+84-31 353 4655

Fax:+84-31 353 4316

Email: vacohp@vaco.com.vn